



SƠ LƯỢC VỀ VĂN HỌC VIẾT ĐẤT QUẢNG TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1945

- ✓ Văn học là một phần không thể thiếu của đời sống văn hoá một vùng đất. Để hiểu biết về quê hương xứ Quảng (Quảng Nam - Đà Nẵng), không thể không tìm hiểu hành trình văn học của vùng đất này.
- ✓ Văn học viết đất Quảng từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 là một mảng màu riêng góp phần tạo nên bức tranh văn học đa sắc của quê hương.

Hành Trình Chuyển Mình Của Văn Học Xứ Quảng



Khác với văn học thời trung đại, văn học viết đất Quảng từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 đã được sáng tác bằng cả chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ, đánh dấu sự chuyển mình quan trọng.

Phạm Thị Lam Anh được xem là người mở đầu nền văn chương đất Quảng.

Thời Trung Đại

Chủ yếu sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm (Phạm Phú Thứ, Nguyễn Tường Phổ, Bà Bang Nhãn, Tú Quỳnh,...).

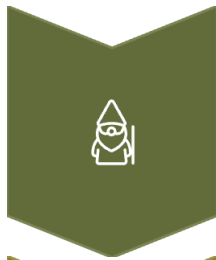
Đầu Thế Kỉ XX - 1945

Sáng tác bằng cả chữ Hán, chữ Nôm và đặc biệt là chữ Quốc ngữ, bắt nhịp với quá trình hiện đại hóa văn học dân tộc.

Quá trình phát triển được chia thành hai giai đoạn rõ rệt, phản ánh sự thay đổi của bối cảnh lịch sử và văn hóa.

➤ Hai Giai Đoạn Phát Triển Chính

Văn học viết đất Quảng từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 có thể chia thành hai giai đoạn chính, mỗi giai đoạn mang những đặc điểm và đóng góp riêng biệt vào dòng chảy văn học dân tộc.



Giai đoạn 1

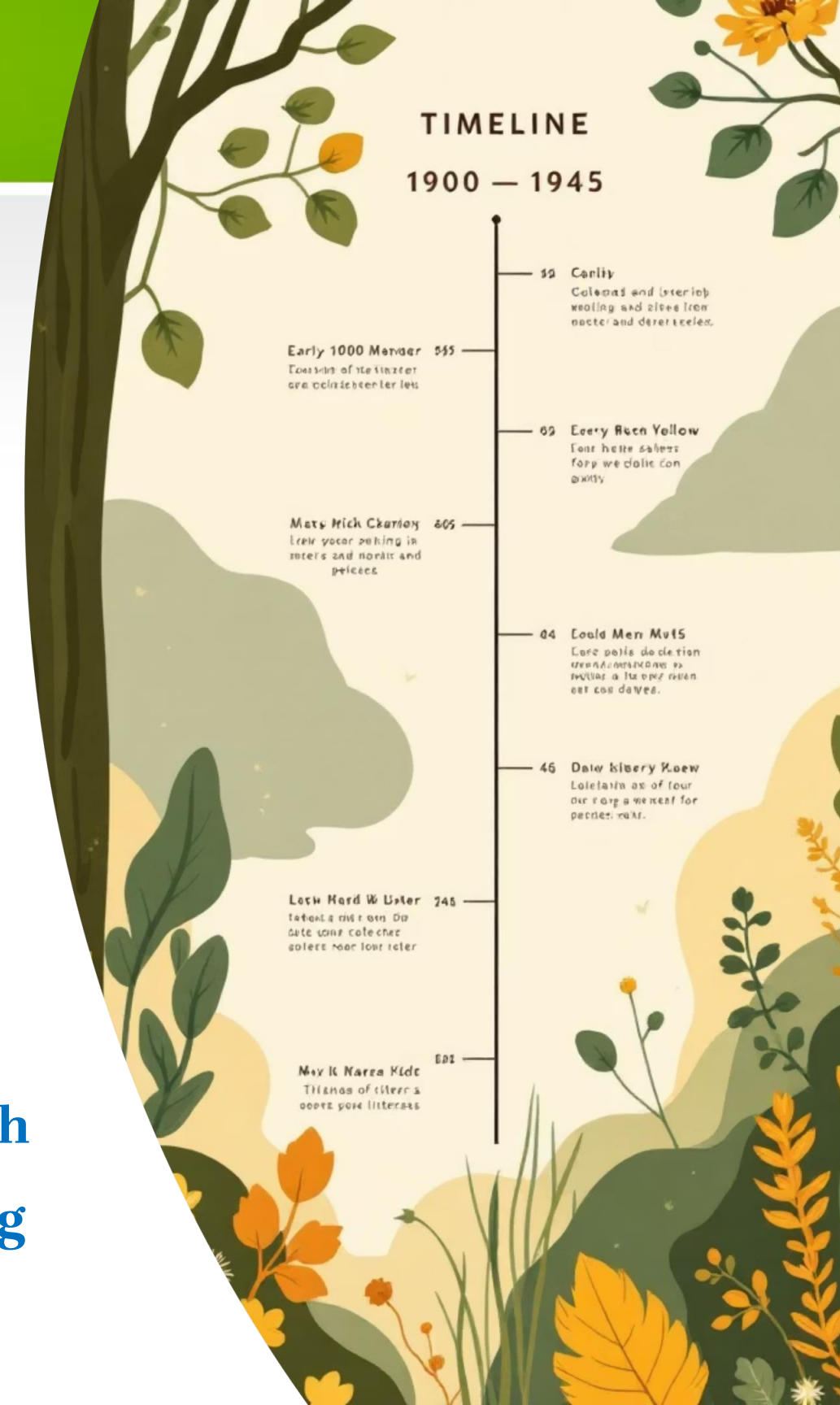
Từ đầu thế kỉ XX đến hết thập niên 1910.



Giai đoạn 2

Từ thập niên 1920 đến năm 1945.

Hai thập niên đầu thế kỷ XX là chặng đường đầu tiên trên hành trình hiện đại hóa văn học Việt Nam, và văn học viết đất Quảng đã nhanh chóng bắt nhịp với dòng chảy chung này.



○ Giai Đoạn 1: Đầu Thế Kỉ XX Đến Hết Thập Niên 1910



Dấu Ấn Của Các Chí Sĩ Yêu Nước

Trong giai đoạn này, văn học viết đất Quảng nhanh chóng bắt nhịp với dòng chảy chung của văn học dân tộc, đặc biệt là sự góp mặt của các "nhà nho yêu nước mới" tham gia vào hai phong trào Duy Tân hội và Phong trào Duy Tân, đều xuất phát từ Quảng Nam.

Bối Cảnh

Văn học Việt Nam bắt đầu quá trình hiện đại hóa. Văn học xứ Quảng chủ yếu là sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm của các chí sĩ yêu nước.

Tư Tưởng Chủ Đạo

Yêu nước, cách mạng, và tư tưởng dân chủ, thể hiện qua văn chính luận hùng biện và thơ trữ tình sâu sắc.

Phan Châu Trinh: Nhà Cách Mạng Tiên Phong



- Tư tưởng và cảm xúc của ông được gửi gắm trong các sáng tác văn xuôi chính luận và thơ trữ tình yêu nước cách mạng, viết bằng cả chữ Nôm, chữ Hán và chữ Quốc ngữ.
- Văn chính luận của ông đậm tính hùng biện, lập luận chặt chẽ, đanh thép; thơ của ông dạt dào cảm xúc về đất nước, đồng bào.

Phan Châu Trinh (1872–1926), hiệu Tây Hồ, Hy Mã, tự Tử Cán, là nhà văn, nhà thơ, nhà cách mạng tiên phong của Việt Nam đầu thế kỉ XX.



1904

Tác phẩm Điền Xá
Ông truyện

Viết bằng chữ Hán

1906

Tác phẩm Đầu
Pháp chính phủ
thư

tác phẩm chính
luận bằng chữ Hán

1908

Tác phẩm Đập đá
ở Côn Lôn

Bài thơ viết bằng
chữ Nôm

Các Chí Sĩ Cách Mạng Khác Cùng Thời



Bên cạnh Phan Châu Trinh, văn học xứ Quảng giai đoạn này còn có sự góp mặt của nhiều chí sĩ cách mạng khác, để lại những tác phẩm mang đậm tinh thần yêu nước và phản kháng:



Trần Quý Cáp

Các bài thơ chữ Hán như Đà Nẵng cảm hoài, Văn quá Hải Vân quan, và bài ca trừ Khuyển nông (chữ Nôm, 1906).



Huỳnh Thúc Kháng

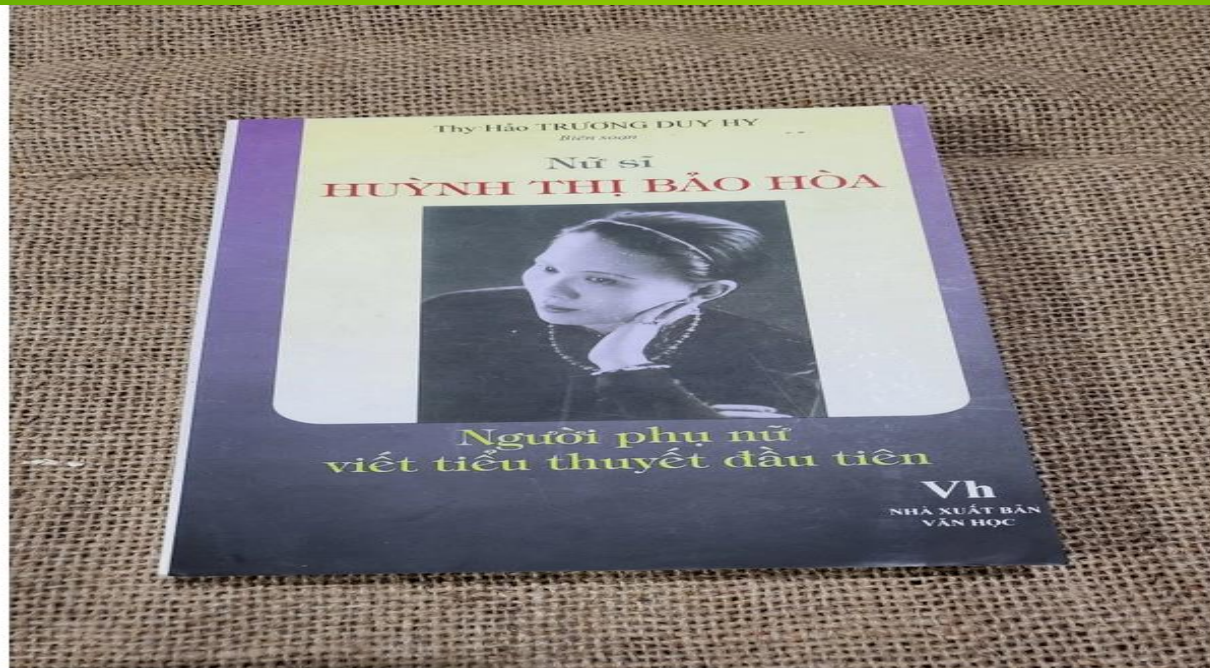
Bài thơ chữ Hán Dữ Hải Phố ngục trung huynh đệ lưu biệt (1908), sáng tác tại nhà lao Hội An trước khi bị đày ra Côn Đảo.



Trần Cao Vân

Tuyệt mệnh thi (Bài thơ tuyệt mệnh), viết trước khi bị Pháp xử chém ở Huế vào năm 1916.

Những tác phẩm này là minh chứng cho tinh thần bất khuất và sự đóng góp của các nhà văn, nhà thơ đất Quảng vào phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX.



○ Giai Đoạn 2: Từ Thập Niên 1920 Đến Năm 1945

Hiện Đại Hóa Văn Học Tăng Tốc

Sau giai đoạn chuẩn bị, văn học Việt Nam từ 1920 đến 1945 bước vào hành trình hiện đại hóa nhanh chóng với sự thay đổi sâu sắc. Văn học viết xứ Quảng cũng phát triển mạnh mẽ với sự góp mặt của nhiều tác giả lớn, có vai trò tạo dấu ấn trong lịch sử văn học dân tộc.

Đặc Điểm

Phát triển nhanh chóng, chủ yếu sáng tác bằng chữ Quốc ngữ.

Thành Tựu

Xuất hiện những tác phẩm có vai trò quan trọng trong lịch sử văn học hiện đại Việt Nam.



Văn Xuôi Tiêu Biểu (1920 - 1945)

Giai đoạn này chứng kiến sự ra đời của nhiều tác phẩm văn xuôi quan trọng, đánh dấu bước chuyển mình sang văn học hiện đại bằng chữ Quốc ngữ.



Huỳnh Thị Bảo Hoà

Tiểu thuyết đầu tiên trong văn học hiện đại được in thành sách: Tây phương mỹ nhơn (1927).



Nguyễn Văn Xuân

Đóng góp đáng kể với truyện ngắn, như Bóng tối và ánh sáng (giải thưởng tạp chí Thế Giới, 1939).



Phan Khôi

Tiểu thuyết Trở vỏ lừa ra (đăng trọn vẹn trên Phổ Thông bán nguyệt san, 1939).

Ngoài ra, Huỳnh Thúc Kháng vẫn tiếp tục sáng tác bằng chữ Hán với cuốn tự truyện Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (1941).

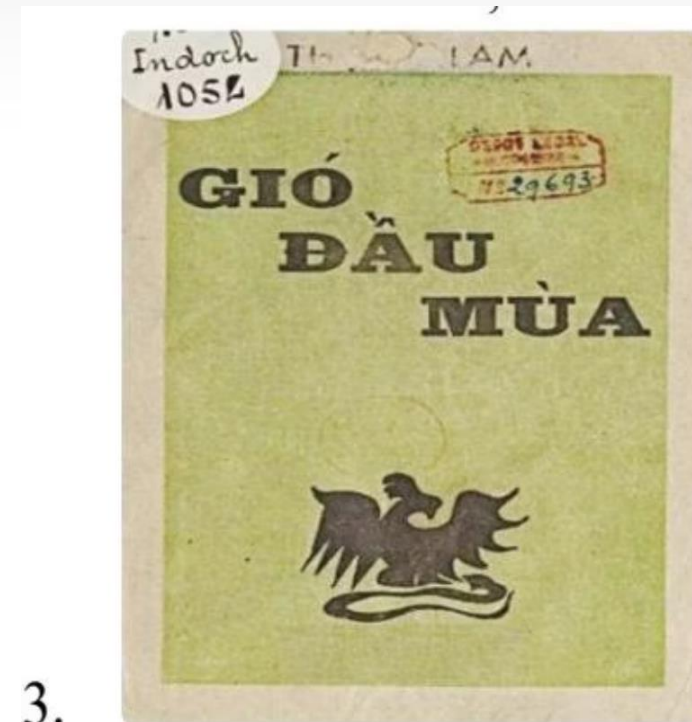
Thạch Lam: Dấu Ấn Lớn Từ Hội An



Thạch Lam, người con của quê hương Hội An, dù không sống và sáng tác ở xứ Quảng, đã có những đóng góp lớn cho văn học Việt Nam, đặc biệt trong thể loại truyện ngắn và tùy bút.

- Tập truyện ngắn Gió đầu mùa (1937).
- Tập truyện ngắn Nắng trong vườn (1938).
- Tập truyện ngắn Sợi tóc (1942).
- Tùy bút Hà Nội băm sáu phố phường (1943).

Các tác phẩm của ông để lại dấu ấn sâu sắc về phong cách lãng mạn, tinh tế và giàu lòng nhân ái.



Thơ Ca Giàu Giá Trị (1920 - 1945)



Các cây bút thơ đất Quảng cũng để lại nhiều thi phẩm có giá trị, nhiều bài được Hoài Thanh và Hoài Chân chọn đưa vào sách Thi nhân Việt Nam (1942).

Phan Khôi

Bài thơ Tình già, một trong những thi phẩm nổi tiếng của phong trào Thơ Mới.

Phạm Hầu

Bài thơ Vọng Hải đài, thể hiện cảm xúc lãng mạn và hùng vĩ.

Xuân Tâm

Bài Nghỉ hè (in trong tập Lời tim non, 1941), đoạt giải nhất cuộc thi thơ báo Bạn Đường.

Hằng Phương nữ sĩ

Bài thơ Lòng quê, thể hiện tình cảm sâu sắc với quê hương.

Những tác phẩm này đã góp phần tạo nên diện mạo đa dạng và phong phú cho văn học Việt Nam hiện đại.



* Những Đóng Góp Của Văn Học Viết Đất Quảng



➤ Từ Đầu Thế Kỉ XX Đến Năm 1945

- Giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945 là một chương quan trọng trong lịch sử văn học Việt Nam, đánh dấu quá trình chuyển mình mạnh mẽ từ văn học trung đại sang hiện đại.
- Văn học viết đất Quảng (Quảng Nam - Đà Nẵng) đã có những đóng góp không thể phủ nhận vào tiến trình này, thể hiện qua sự đổi mới về tư tưởng, thể loại và thi pháp.



I. Sáng Tác Của Những Cây Bút Hán Học (Đầu Thế Kì XX - 1945)

Nội Dung Tư Tưởng Đổi Mới

Mặc dù vẫn sử dụng văn tự và thi pháp truyền thống của văn học trung đại (chủ yếu là chữ Hán và các thể loại cổ điển như thơ Đường luật), các tác phẩm của những cây bút Hán học đất Quảng đã thể hiện sự thay đổi rõ nét về nội dung tư tưởng.

Tinh Thần Yêu Nước Mới

Các tác giả như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng đã đưa vào tác phẩm tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc mạnh mẽ, phê phán chế độ phong kiến mục nát và kêu gọi canh tân đất nước, chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp.

Thể Loại và Thi Pháp Truyền Thống

Xét về mặt hình thức, các sáng tác giai đoạn này vẫn thuộc phạm trù văn học trung đại. Sự đổi mới chủ yếu nằm ở việc truyền tải những tư tưởng tiến bộ, cách mạng vào các hình thức nghệ thuật quen thuộc.

Sự chuyển giao này cho thấy văn học đất Quảng đã bắt đầu tiếp nhận luồng gió mới của thời đại, chuẩn bị cho quá trình hiện đại hóa toàn diện hơn ở các thập niên sau.

Văn Học Viết Đất Quảng: Hiện Đại Hóa Toàn Diện (Thập Niên 1920 - 1945)



Văn học viết đất Quảng từ thập niên 1920 đến năm 1945 đã đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào, góp phần đáng kể vào quá trình hiện đại hoá nền văn học Việt Nam. Cùng với quá trình hiện đại hoá diễn ra mạnh mẽ của văn học nước nhà, văn học viết xứ Quảng chặng đường này có những đổi mới sâu sắc và toàn diện về cả nội dung và hình thức nghệ thuật.

Giai Đoạn Hán Học (Đầu TK XX - 1910s)

Đổi mới chủ yếu về nội dung tư tưởng (tinh thần yêu nước, canh tân).

Về hình thức, vẫn giữ thể loại, văn tự (chữ Hán) và thi pháp trung đại.

Giai Đoạn Hiện Đại Hóa (1920s - 1945)

Đổi mới sâu sắc và toàn diện về cả nội dung (chủ nghĩa cá nhân, lãng mạn, hiện thực) và hình thức (chữ Quốc ngữ, thơ mới, tiểu thuyết, phóng sự).

Phân Tích Sự Chuyển Đổi Trong Văn Học Đất Quảng



1 Thay Đổi Nội Dung Tư Tưởng (Đầu TK XX - Hết 1910)

Văn học viết đất Quảng chủ yếu thay đổi về nội dung tư tưởng vì đây là giai đoạn giao thời, khi ý thức hệ phong kiến đang sụp đổ và tư tưởng dân chủ, yêu nước mới đang hình thành. Các nhà Nho yêu nước như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, mặc dù tiếp thu tư tưởng tiến bộ từ phương Tây và phương Đông (Nhật Bản, Trung Quốc), nhưng vẫn sử dụng công cụ sáng tác quen thuộc là chữ Hán và thể loại trung đại (thơ Đường luật) để dễ dàng truyền bá tư tưởng đến tầng lớp trí thức cũ và giữ được tính trang trọng, uy tín. Sự thay đổi về hình thức (chữ Quốc ngữ, thể loại mới) cần thời gian để phổ cập và được chấp nhận rộng rãi hơn.

2 Hình Tượng Người Anh Hùng Trong "Đập Đá Ở Côn Lôn"

- Bài thơ *Đập đá ở Côn Lôn* của Phan Châu Trinh đã đổi mới hình tượng người anh hùng so với văn học trung đại Việt Nam.
 - Anh hùng Trung đại: Thường là những người mang lý tưởng "quân tử", "trượng phu" gắn liền với đạo đức Nho giáo, hành động vì "quốc gia xã tắc" và thường mang vẻ đẹp lãng mạn, thoát tục (ví dụ: hình tượng người anh hùng trong thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du).
 - Anh hùng Phan Châu Trinh: Là người tù yêu nước, mang vẻ đẹp bi tráng, ngang tàng, không khuất phục trước cường quyền. Hình tượng này gắn liền với hành động cụ thể, lao động khổ sai ("Đập đá") nhưng lại mang tinh thần vĩ đại ("Lùng lẫy làm cho lở núi non").
- Sự đổi mới nằm ở chỗ, người anh hùng không chỉ là người tài năng, đức độ mà còn là người chiến sĩ cách mạng, chấp nhận gian khổ, coi thường hiểm nguy ("Gian nan chi kể việc con con!"). Đây là sự chuyển dịch từ lý tưởng anh hùng gắn với triều đình sang lý tưởng anh hùng gắn với dân tộc và công cuộc đấu tranh giải phóng.

Phân Tích Bài Thơ: Đập Đá Ở Côn Lôn

Phan Châu Trinh



Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lùng lắt làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỗ bước,
Gian nan chi kể việc con con!

Khí Phách Ngang Tàng

Tác giả tự đặt mình vào vị thế trung tâm, đối diện với thiên nhiên khắc nghiệt ("đứng giữa đất Côn Lôn") và biến công việc khổ sai thành hành động phi thường ("Lùng lắt làm cho lở núi non"). Đây là sự khẳng định bản lĩnh cá nhân mạnh mẽ.

Hành Động Quyết Liệt

Các động từ mạnh như "Xách búa", "đánh tan", "đập bể" thể hiện sự chủ động, quyết liệt của người tù. Việc đập đá không chỉ là lao động mà còn là hành động thách thức, phá vỡ xiềng xích, thể hiện ý chí không khuất phục.

Ý Chí Sắt Son

Dù thân thể phải chịu đựng gian khổ ("thân sành sỏi"), nhưng ý chí, tinh thần vẫn kiên định, bền bỉ ("dạ sắt son"). Sự đối lập giữa thể xác và tinh thần làm nổi bật vẻ đẹp của người anh hùng cách mạng.

Tâm Vóc Vĩ Đại

Tác giả tự ví mình và đồng chí là "Những kẻ vá trời", những người mang hoài bão lớn lao, gánh vác việc lớn của dân tộc. Mọi gian nan, khổ ải ("việc con con") đều không đáng kể so với lý tưởng cao cả.

Giới Thiệu Nhà Thơ: Tản Đà (1889 - 1939)



Cuộc Đời Và Xuất Thân

Tản Đà (Nguyễn Khắc Hiếu) sinh năm 1889 tại làng Khê Thượng, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), nhưng có mối liên hệ sâu sắc với đất Quảng qua các hoạt động văn chương và tư tưởng. Ông là một nhà thơ, nhà văn tiên phong, người bắc cầu giữa hai nền văn học trung đại và hiện đại.

Tác Phẩm Tiêu Biểu

Các tác phẩm nổi tiếng của Tản Đà bao gồm: *Khối Tình Con* (thơ), *Giấc Mơng Lớn* (tiểu thuyết), và *Tản Đà Văn Tập*. Thơ ông thường mang âm hưởng lãng mạn, bay bổng, pha chút ngông nghênh, thoát tục, thể hiện nỗi buồn thời thế và khát vọng tự do.

1

2

3

4

Sự Nghiệp Văn Học

Tản Đà được mệnh danh là "thi sĩ của hai thế kỷ". Ông là người đầu tiên đưa cái tôi cá nhân, lãng mạn vào thơ ca Việt Nam, mở đường cho phong trào Thơ Mới. Tác phẩm của ông thể hiện sự giao thoa giữa phong cách cổ điển (thể thơ, ngôn ngữ) và tinh thần hiện đại (cảm xúc, cái tôi).

Ảnh Hưởng Đến Văn Học Đất Quảng

Mặc dù không phải người Quảng, nhưng tư tưởng và phong cách lãng mạn của Tản Đà đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến các cây bút trẻ xứ Quảng trong thập niên 1920-1930, thúc đẩy quá trình hiện đại hóa văn học tại khu vực này. Ông là biểu tượng cho sự chuyển mình của văn học Việt Nam.

Tản Đà là một trong những người tiên phong sử dụng chữ Quốc ngữ trong sáng tác văn chương, góp phần quan trọng vào việc phổ biến và phát triển ngôn ngữ văn học hiện đại.